



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001087

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	20120010	Nguyễn Đức	Huy								
2	20120444	Nguyễn Chí	Công		<i>W</i>		7	0		bảy không	
3	20200271	Nguyễn Hoàng Nhật	Nam								
4	21120007	Nguyễn Thanh Hùng	Cường		<i>Hu</i>		8	5		tám năm	
5	21120011	Võ Trung Hoàng	Hưng		<i>Thung</i>		9	5		chín năm	
6	21130199	Nguyễn Ngọc Sao	Mai		<i>Sma</i>		5	5		năm năm	
7	21130222	Lê Dung	Nhi		<i>Ng</i>		5	5		năm năm	
8	21130255	Nguyễn Vĩnh	Thái		<i>Ng</i>		2	0		hai không	
9	21280087	Nguyễn Đức	Chung								
10	21280089	Nguyễn Doãn	Đồng		<i>Ng</i>		9	0		chín không	
11	22120001	Bùi Duy	An		<i>A</i>		9	0		chín không	
12	22120002	Đỗ Quang	An		<i>An</i>		7	5		bảy năm	
13	22120003	Lê Nguyễn Thiên	An		<i>Ln</i>		9	0		chín không	
14	22120004	Lê Thịnh	An		<i>AN</i>		8	5		tám năm	
15	22120006	Nguyễn Phan Trường	An		<i>An</i>		6	0		sáu không	
16	22120007	Nguyễn Trường	An		<i>An</i>		9	5		chín năm	
17	22120008	Phạm Thiên	An		<i>Ph</i>		1	0		mười	
18	22120009	Trương Vĩnh	An		<i>Tr</i>		9	0		chín không	
19	22120010	Hoàng Tuấn	Anh		<i>Anh</i>		8	0		tám không	
20	22120011	Lê Tuấn	Anh		<i>Ln</i>		9	0		chín không	
21	22120013	Nguyễn Đức	Anh		<i>Ng</i>		9	0		chín không	
22	22120014	Nguyễn Hoàng	Anh		<i>Anh</i>		9	0		chín không	
23	22120015	Nguyễn Tấn Duy	Anh		<i>Ng</i>		9	0		chín không	
24	22120016	Trần Hùng	Anh		<i>Tr</i>		8	5		tám năm	
25	22120017	Trương Tiến	Anh		<i>Tr</i>		1	0		mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Hoàng Thiên</i> Chữ ký: <i>Ng</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Tiến Đạt</i> Chữ ký: <i>Ng</i>	Họ, tên: Chữ ký:
Họ, tên: <i>Lê Văn Hoàng</i> Chữ ký: <i>Ln</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Tiến Đạt</i> Chữ ký: <i>Ng</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001088

Giữa kỳ

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	22120018	Vũ Duy	Bắc		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
27	22120019	Bàn Hữu	Bằng		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	bảy năm	
28	22120020	Cao Gia	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
29	22120021	Huỳnh Thái	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
30	22120022	Lê	Bào		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
31	22120023	Lê Nguyễn Gia	Bào		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
32	22120024	Nguyễn Hoàng	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám không	
33	22120026	Phan Minh Gia	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	bảy năm	
34	22120027	Thái	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
35	22120028	Trương Dương	Bào			☒					
36	22120029	Nguyễn Hữu	Bền		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
37	22120030	Bùi Việt	Bình		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
38	22120031	Nguyễn Hữu	Bình		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
39	22120032	Trần Thanh	Bình		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
40	22120033	Phan Công	Châu		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
41	22120034	Lương Thị Kim	Chi		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
42	22120035	Dương Thiện	Chi		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
43	22120036	Đạo Minh	Chiến		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
44	22120037	Nguyễn Văn	Chiến		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
45	22120040	Trương Việt	Công		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
46	22120041	Đỗ Quốc	Cường		<i>[Signature]</i>	☐	1	0	0	mười	
47	22120042	Đỗ Ngọc	Cường		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
48	22120043	Đoàn Minh	Cường		<i>[Signature]</i>	☐		9	0	chín không	
49	22120046	Nguyễn Ngọc	Đăng		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
50	22120047	Trần Xuân	Đăng		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>[Signature]</i> 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001089

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22120048	Nguyễn Chí	Danh		<i>Nguyễn Chí Danh</i>			9	0	chín không	
52	22120050	Hồ Mạnh	Đào		<i>Hồ Mạnh Đào</i>			9	0	chín không	
53	22120051	Phan Long	Đạo		<i>Phan Long Đạo</i>		1	0	0	mười	
54	22120052	Đặng Ngọc Quốc	Đạt		<i>Đặng Ngọc Quốc Đạt</i>		1	0	0	mười	
55	22120053	Lê Thành	Đạt		<i>Lê Thành Đạt</i>		1	0	0	mười	
56	22120054	Lê Văn Thành	Đạt		<i>Lê Văn Thành Đạt</i>		1	0	0	mười	
57	22120056	Nguy Thành	Đạt		<i>Nguy Thành Đạt</i>			9	5	chín năm	
58	22120057	Nguyễn Tấn	Đạt		<i>Nguyễn Tấn Đạt</i>			9	5	chín năm	
59	22120058	Nguyễn Thành	Đạt		<i>Nguyễn Thành Đạt</i>			8	5	tám năm	
60	22120059	Trần Minh	Đạt		<i>Trần Minh Đạt</i>			7	5	bảy năm	
61	22120061	Vũ Thế Tuấn	Đạt		<i>Vũ Thế Tuấn Đạt</i>		1	0	0	mười	
62	22120062	Nguyễn Đăng	Điền		<i>Nguyễn Đăng Điền</i>			9	5	chín năm	
63	22120063	Ngô Phương	Đồng		<i>Ngô Phương Đồng</i>			9	0	chín không	
64	22120064	Nguyễn Tấn	Đồng		<i>Nguyễn Tấn Đồng</i>		1	0	0	mười	
65	22120065	Trần Đại	Đồng		<i>Trần Đại Đồng</i>		1	0	0	mười	
66	22120066	Bùi Anh	Đức		<i>Bùi Anh Đức</i>			7	5	bảy năm	
67	22120067	Lâm Hồng Anh	Đức		<i>Lâm Hồng Anh Đức</i>		1	0	0	mười	
68	22120069	Nguyễn Duy	Đức		<i>Nguyễn Duy Đức</i>		1	0	0	mười	
69	22120070	Nguyễn Thành	Đức		<i>Nguyễn Thành Đức</i>		1	0	0	mười	
70	22120071	Phan Bá	Đức		<i>Phan Bá Đức</i>			9	5	chín năm	
71	22120072	Nguyễn Anh	Dũng		<i>Nguyễn Anh Dũng</i>			6	5	sáu năm	
72	22120073	Lý Ngọc	Dương								
73	22120074	Đỗ Nhật	Duy		<i>Đỗ Nhật Duy</i>			6	5	sáu năm	
74	22120075	Hồ Anh	Duy		<i>Hồ Anh Duy</i>		1	0	0	mười	
75	22120076	Hồ Khánh	Duy		<i>Hồ Khánh Duy</i>		1	0	0	mười	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> 1) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>NTN</i> 2) <i>Nguyễn Thị Ngọc</i> Chữ ký: <i>NTN</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Tiến Đạt</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Tiến Đạt</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001090

Tên học phần: **Vi tích phân 2B**

Mã học phần: **MTH00004**

Lớp: **22CTT2**

Ngày thi: **04/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E104**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
76	22120078	Nguyễn Bá	Duy		<i>[Signature]</i>	☒		9	5	chín năm	
77	22120080	Nguyễn Minh	Duy		<i>[Signature]</i>	☒	1	0	0	mười	
78	22120081	Phạm Thanh	Duy		<i>[Signature]</i>	☒	1	0	0	mười	
79	22120083	Nguyễn Trần	Gia		<i>[Signature]</i>	☒		9	5	chín năm	
80	22120084	Phạm Hoàng	Giang		<i>[Signature]</i>	☒	1	0	0	mười	
81	22120086	Nguyễn Công	Giáp		<i>[Signature]</i>	☒	1	0	0	mười	
82	22120088	Văn Hồ Phương	Hà		<i>[Signature]</i>	☒		9	0	chín không	
83	22120089	Đỗ Xuân	Hải		<i>[Signature]</i>	☒	1	0	0	mười	
84						☐					
85						☐					
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>[Signature]</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	<i>Nguyễn Tiến Đạt</i>	
2) <i>[Signature]</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	<i>Nguyễn Đạt</i>	
		Họ, tên:	
		Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **22CKH_1**

Ngày thi: **06/03/2023** Giờ thi: **14:45**

Phòng thi: **GD1_A**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	20247089	Nguyễn Lê Hoàng	Huy		Huy	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	21247239	Phạm Ngọc	Thế		Thế	7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	22247004	Vũ Phan Hoài	An		An	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	22247005	Nguyễn Thiên	Ân		Ân	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	22247006	Bạch Lê Quỳnh	Anh		Anh	6.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	22247012	Phạm Ngọc Huỳnh	Anh		Anh	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	22247013	Trần Huỳnh Trúc	Anh		Anh	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	22247015	Nguyễn Ngọc Minh	Ánh		Ánh	6.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	22247020	Đỗ Tiến	Đạt		Đạt	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	22247025	Trương Thủy	Dương		Dương	10.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	22247028	Đỗ Ngân	Hà		Hà	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	22247029	Nguyễn Ngọc	Hân		Hân	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	22247034	Ngô Trung	Hiếu		Hiếu	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	22247036	Nguyễn Hữu	Hoàng		Hoàng	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	22247038	Lê Nguyễn Ngọc	Hương		Hương	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	22247039	Bùi Đức	Huy		Huy	8.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	22247040	Hà Gia	Huy		Huy	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	22247047	Trương Thế	Khải		Khải	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	22247051	Lại Minh	Khanh		Khanh	7.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	22247054	Bùi Vĩ	Kiệt		Kiệt	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	22247055	Huỳnh Đỗ Trúc	Lam		Lam	9.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	22247057	Nguyễn Nhật	Linh		Linh	8.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	22247065	Trương Diệp	Minh		Minh	9.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	22247069	Trịnh Ngọc Thanh	Ngân		Ngân	10.0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
25	22247070	Võ Ngọc Khánh	Ngân		Ngân	7.5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]
1) Đỗ Tiến Chữ ký: [Chữ ký]
2) Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên: Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]
1) Đỗ Tiến Chữ ký: [Chữ ký]
2) Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]

Họ, tên: Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]
1) Đỗ Tiến Chữ ký: [Chữ ký]
2) Nguyễn Văn Hùng Chữ ký: [Chữ ký]



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **22CKH_1**Ngày thi: **06/03/2023** Giờ thi: **14:45**Phòng thi: **GD1_A**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm											+0.5	Ghi chú
26	22247076	Võ Trần Thanh	Ngọc			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
27	22247078	Nguyễn Nhật Hoài	Nhân			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
28	22247080	Trần Thanh	Nhi			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
29	22247082	Liêu Thị Huỳnh	Như			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
30	22247086	Huỳnh Đăng Thái	Phiên			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
31	22247087	Nguyễn Hiệp	Phổ			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
32	22247088	Hồ Hoàng	Phúc			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
33	22247089	Huỳnh Ngọc Nguyên	Phúc			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
34	22247093	Nguyễn Ngọc Mai	Phương			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
35	22247096	Nguyễn Minh	Quân			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
36	22247097	Phạm Tả	Quân			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
37	22247098	Trịnh Minh	Quân			3,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
38	22247105	Nguyễn Thành	Tài			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
39	22247107	Lê Thụy Minh	Tâm			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
40	22247111	Bạch Ngọc	Thảo			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
41	22247116	Trần Xuân	Thi			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
42	22247117	Trần Minh Nhựt	Thiên			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
43	22247118	Huỳnh Phúc	Thịnh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
44	22247119	Nguyễn Đức	Thịnh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
45	22247123	Phạm Thị Anh	Thư			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
46	22247128	Lưu Phương Thủy	Trần				(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
47	22247132	Hồ Thụy Yến	Trinh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
48	22247133	Phạm Việt Thùy	Trinh			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
49	22247135	Ngô Quốc	Trung			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
50	22247140	Nguyễn Quốc	Tuấn			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Trần Văn Thư Chữ ký: [Signature]
1) Nguyễn Văn Thư Chữ ký: [Signature]
2) Nguyễn Văn Thư Chữ ký: [Signature]

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Văn Thư
Chữ ký: [Signature]

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Văn Thư
Chữ ký: [Signature]



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: 22CKH_1

Ngày thi: **06/03/2023** Giờ thi: **14:45**

Phòng thi: **GD1_A**

[illegible]

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Trần Văn Thế</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Họ, tên: <u>Ng. Văn Thìn</u>	Họ, tên:
2) <u>Thi Ngọc Bích</u> Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký: <u>[Signature]</u>	Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Xác suất thống kê**Mã học phần: **MTH00040**Lớp: **22CKH_3**Ngày thi: **06/03/2023** Giờ thi: **14:45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm	+0.5	Ghi chú
1	19247129	Nguyễn Thái	Huy			0,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
2	19247143	Nguyễn Phú Đăng	Khôi			3,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
3	21247173	Nguyễn Minh	Hoàng			2,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
4	22247001	Hồ Văn	An			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
5	22247003	Phạm Thị Triều	An			6,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
6	22247011	Nguyễn Việt	Anh			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
7	22247016	Võ Thái	Bào			2,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
8	22247019	Nguyễn Công	Danh			4,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
9	22247022	Võ Hồng	Dư			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
10	22247027	Phan Hồng	Gấm			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
11	22247030	Trương Ngọc	Hân			8,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
12	22247031	Nguyễn Thị Minh	Hạnh			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
13	22247042	Trần Nhật	Huy			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
14	22247043	Trương Minh	Huy			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
15	22247046	Trần Tuấn	Khải			9,5	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
16	22247048	Lê Trương Hoàng	Khang			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
17	22247053	Trần Dương Minh	Khôi			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
18	22247056	Đinh Thị Khánh	Linh			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
19	22247059	Huỳnh Nghĩa	Lợi			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
20	22247060	Nguyễn Tiến	Lợi			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
21	22247062	Lý Hiền	Long			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
22	22247063	Hồ Văn	Lưu				(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
23	22247068	Nguyễn Lê Kim	Ngân			9,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
24	22247079	Lê Ngọc Uyên	Nhi			10,0	(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	
							(v)	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0	

Cán bộ coi thi

Cán bộ chấm thi

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:
1).....
2).....
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
.....
Chữ ký:

Họ, tên:
.....
.....
Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM
Giữa kỳ
Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Xác suất thống kê**

Mã học phần: **MTH00040**

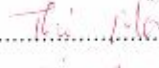
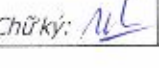
Lớp: **22CKH_3**

Ngày thi: **06/03/2023**

Giờ thi: **14:45**

Phòng thi: **F205A**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0.5	Ghi chú
1	22247083	Văn Ngọc	Như			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
2	22247084	Phạm Thị Kiều	Oanh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
3	22247085	Phùng Nhật	Phát			3,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
4	22247091	Nguyễn Tổng Thiên	Phước			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
5	22247092	Nguyễn Ngọc Mai	Phượng			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
6	22247101	Lâm Như	Quỳnh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
7	22247106	Đỗ Minh	Tâm			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
8	22247108	Nguyễn Hoàng Hồng	Thắm			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
9	22247109	Trần Tôn	Thành			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
10	22247112	Lê Thị Thanh	Thảo			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
11	22247114	Ngô Đình	Thi			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
12	22247115	Nguyễn Thuý Anh	Thi			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
13	22247120	Hồ Ngọc Anh	Thư			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
14	22247124	Võ Thị Thùy	Tiên			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
15	22247125	Nguyễn Tấn	Tiến			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
16	22247126	Tôn Thất	Tiến			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
17	22247127	Trịnh Hữu	Toàn			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
18	22247134	Nguyễn Thanh	Trúc			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
19	22247138	Huỳnh Nhựt	Trường			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
20	22247139	Lê Hữu Nhật	Tuấn			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
21	22247144	Nguyễn Thành	Vinh			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
22	22247145	Cao Nguyễn Mỹ	Vy			10,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
23	22247147	Nguyễn Ngọc Triệu	Vy			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
24	22247148	Phạm Thị Tường	Vy			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	0	

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	1) Đỗ Văn Huy	Họ, tên:	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Họ, tên:	
Chữ ký:		Chữ ký:		Chữ ký:	
Họ, tên:	2) Trần Anh Đào	Họ, tên:		Họ, tên:	
Chữ ký:		Chữ ký:		Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001216

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CVD1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	19170191	Nguyễn Thị Minh	Ngọc								
2	21110379	Nguyễn Ngọc	Quyên								
3	21200225	Trịnh Tuấn	Thịnh								
4	22130004	Lê Hoàng	Anh				4	0		Bôn	
5	22130005	Nguyễn Thụy Vân	Anh				8	5		Tám năm	
6	22130012	Vũ Đức	Anh				2	0		hai	
7	22130019	Nguyễn Gia	Bảo				6	0		Sáu	
8	22130021	Nguyễn Vũ Huy	Bảo				3	0		Ba	
9	22130026	Nguyễn Phú	Cường								
10	22130027	Nguyễn Thanh	Cường				4	0		Bôn	
11	22130031	Bùi Thị Oanh	Đào								
12	22130036	Đỗ Thế	Dũng				8	0		Tám	
13	22130040	Cao Khánh	Duy				6	0		Sáu	
14	22130043	Hồ Em Ma Nu	Ên				5	5		Năm năm	
15	22130049	Trương Nguyễn Ngọc	Hân				9	5		Chín năm	
16	22130050	Nguyễn Minh	Hiếu				0	5		Khối năm	
17	22130051	Trần Nguyễn Trung	Hiếu				2	0		Hai	
18	22130053	Nguyễn Thái	Hòa				4	0		Bôn	
19	22130054	Nguyễn Thanh	Hòa				9	5		Chín năm	
20	22130055	Nguyễn Thị Thu	Hồng				9	5		Chín năm	
21	22130065	Gặp Sinh	Huy				2	0		Ba	
22	22130069	Nguyễn Trọng	Huy				1	0		Một	
23	22130074	Cù Khắc Quốc	Khâm				6	0		Sáu	
24	22130080	Nguyễn Gia	Khiêm				4	0		Bôn	
25	22130088	Trần Văn	Lĩnh				7	5		Bảy năm	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Thị Trúc Linh</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đỗ Đức Cường</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Phan Việt Dũng</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001217

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CVD1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	22130092	Vũ Mạnh	Lộc		<i>Lộc</i>	☐	9	0		Chín	
27	22130095	Chu Hành Cảnh	Lục		<i>Lục</i>	☐	2	0		Hai	
28	22130097	Ngô Ngọc Cẩm	Ly		<i>Ly</i>	☐	10	0		Mười	
29	22130103	Trần Nguyễn Anh	Minh		<i>Anh</i>	☐	9	0		Chín	
30	22130104	Phan Thanh	Muộn		<i>Muộn</i>	☐	2	0		Hai	
31	22130111	Nguyễn Kim Hà	Ngân		<i>Ngân</i>	☐	5	0		Năm	
32	22130117	Huỳnh Phan Bảo	Ngọc		<i>Ngọc</i>	☐	8	0		Tám	
33	22130126	Trần Nguyễn Thanh	Nguyễn		<i>Nguyễn</i>	☐	6	0		Sáu	
34	22130129	Lê Minh	Nhật		<i>Nhật</i>	☐	2	5		Hai năm	
35	22130131	Nguyễn Quỳnh	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	2	5		Hai năm	
36	22130132	Nguyễn Thị Khánh	Nhi		<i>Nhi</i>	☐	7	0		Bảy	
37	22130140	Nguyễn Thiên	Phúc		<i>Phúc</i>	☐	1	5		Một năm	
38	22130146	Phạm Đăng	Quang		<i>Quang</i>	☐	5	0		Năm	
39	22130154	Ngô Thanh	Sang		<i>Sang</i>	☐	9	0		Chín	
40	22130155	Hoàng Chí	Sĩ		<i>Sĩ</i>	☐	8	5		Tám năm	
41	22130156	Huỳnh Trần Hoàng	Sơn		<i>Sơn</i>	☐	8	5		Tám năm	
42	22130157	Lê Bá	Sơn		<i>Sơn</i>	☐	8	5		Tám năm	
43	22130158	Trần Thanh	Sơn		<i>Sơn</i>	☐	5	0		Năm	
44	22130160	Lê Duy	Thắng		<i>Thắng</i>	☐	7	0		Bảy	
45	22130162	Phạm Bùi Quốc	Thắng		<i>Thắng</i>	☐	3	5		Ba năm	
46	22130170	Hồ Tấn	Thông		<i>Thông</i>	☐	4	0		Bốn	
47	22130181	Ngô Nguyễn Thủy	Tiên		<i>Tiên</i>	☐	8	0		Tám	
48	22130184	Nguyễn Hạo	Tiến		<i>Tiến</i>	☐	7	0		Bảy	
49	22130188	Lê Hoàng Trí	Tin		<i>Tin</i>	☐	5	5		Năm năm	
50	22130197	Phan Trọng	Trí			☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	<i>Phan Việt Dũng</i>	Họ, tên:	<i>Đỗ Đức Cường</i>	Họ, tên:	
Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	<i>[Signature]</i>	Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001218

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22CVD1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	22130201	Nguyễn Chí	Trọng		<i>Trọng</i>	☐	5	0		Năm	
52	22130205	Hà Xuân	Trường		<i>Trường</i>	☐	4	0		Bốn	
53	22130220	Trần Thiện	Vương		<i>Trần</i>	☐	9	0		Chín	
54	22130221	Huỳnh	Vy			☒					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:		Họ, tên:		Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	1) <i>Đỗ Đức Cường</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>		
2) <i>Phan Việt Dũng</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>				



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001265

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22VLH2**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	20130148	Lê Thanh	Vũ								
2	22120107	Phan Văn	Hoa								
3	22120154	Trịnh Hoàng	Khang								
4	22120330	Nguyễn Thanh	Thái		<i>Thái</i>		8	5		Tám rưỡi	
5	22130118	Nguyễn Hồng	Ngọc		<i>X</i>		2	5		Hai rưỡi	
6	22130119	Nguyễn Như	Ngọc								
7	22130120	Phan Thị Thu	Ngọc		<i>W</i>		5	0		Năm	
8	22130121	Trương Gia	Ngọc								
9	22130123	Nguyễn Ngọc	Nguyên		<i>Colay</i>		6	0		Sáu	
10	22130124	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên		<i>nguyen</i>		2	5		Hai rưỡi	
11	22130125	Trần Ngọc Phương	Nguyên								
12	22130135	Nguyễn Minh	Như		<i>Như</i>		9	0		Chín	
13	22130137	Tạ Ngọc Hoàng	Phát								
14	22130138	Nguyễn Lê Mạnh	Phi		<i>Phi</i>		8	0		Tám	
15	22130139	Phạm Thanh	Phong		<i>Ph</i>		1	0		Một	
16	22130141	Trịnh Tấn	Phúc		<i>Phuc</i>		6	0		Sáu	
17	22130142	Đoàn Lê Phi	Phụng		<i>Ph</i>		3	0		Ba	
18	22130145	Trương Ngô Ân	Phượng		<i>phuong</i>		8	5		Tám rưỡi	
19	22130147	Phạm Minh	Quang		<i>Quang</i>		8	0		Tám	
20	22130148	Trần Duy	Quý								
21	22130149	Lê Võ Bảo	Quyên		<i>Quyên</i>		4	5		Bốn rưỡi	
22	22130151	Trần Hương	Quỳnh								
23	22130152	Trần Thảo Như	Quỳnh								
24	22130159	Nguyễn Huỳnh	Tâm		<i>Tâm</i>		8	5		Tám rưỡi	
25	22130161	Lê Phan Quốc	Thắng		<i>Thắng</i>		3	0		Ba	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Lê Duy Phúc</i> 1).....Chữ ký: <i>LD</i> 2).....Chữ ký: <i>LD</i>	Họ, tên: <i>Đỗ Đức Cường</i> Chữ ký: <i>DDC</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001267

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22130211	Lương Tiểu	Tuệ		<i>[Signature]</i>	☐	9	0		Chín	
52	22130212	Lê Thanh	Tùng			☒					
53	22130213	Huỳnh Nguyễn Kim	Tuyển		<i>[Signature]</i>	☐	1	0		Một	
54	22130215	Võ Thiện	Văn		<i>[Signature]</i>	☐	6	0		Sáu	
55	22130217	Đỗ Huỳnh Gia	Vĩ		<i>[Signature]</i>	☐	2	0		Hai	
56	22130218	Phan Thành	Vinh			☒					
57	22130219	Vũ Thiên	Vinh		<i>[Signature]</i>	☐	9	0		Chín	
58	22130223	Lý Khả	Vy		<i>[Signature]</i>	☐	7	5		Bảy năm	
59	22130224	Nguyễn Trần Lan	Vy		<i>[Signature]</i>	☐	3	5		Ba năm	
60	22130226	Hà Mỹ	Xuân		<i>[Signature]</i>	☐	3	0		Ba	
61	22130227	Lê Như	Ý		<i>[Signature]</i>	☐	4	0		Bốn	
62	22130228	Đoàn Hải	Yến		<i>[Signature]</i>	☐	2	0		Hai	
63	22130229	Phan Thị Hải	Yến		<i>[Signature]</i>	☐	9	5		Chín năm	
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>[Signature]</i> 1) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i> 2) <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Họ, tên: <i>[Signature]</i> Chữ ký: <i>[Signature]</i>



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001266

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22VLH2**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	22130163	Trần Ngọc Toàn	Thắng					1	0	Một	
27	22130169	Phạm Phúc	Thịnh					3	0	Ba	
28	22130171	Trần Lê Quốc	Thống					9	0	Chín	
29	22130172	Đoàn Võ Anh	Thư					1	5	Một năm	1-2
30	22130175	Nguyễn Ngọc Minh	Thư					4	5	Bốn năm	
31	22130176	Lương Đức	Thuận					6	0	Sáu	
32	22130177	Phan Lê Minh	Thuận					6	5	Sáu năm	
33	22130178	Phan Thị Khánh	Thuận					6	5	Sáu năm	
34	22130179	Hồ Thị Hà	Tiên					6	0	Sáu	
35	22130182	Cao Văn	Tiến					5	0	Năm	
36	22130185	Nguyễn Minh	Tiến								
37	22130186	Trần Nhật	Tiến					3	0	Ba	
38	22130187	Vũ Mạnh	Tiến					6	0	Sáu	
39	22130189	Nguyễn Trí	Tín								
40	22130192	Phan Thị Quỳnh	Trâm					3	0	Ba	
41	22130194	Nguyễn Thị Huyền	Trang					3	0	Ba	
42	22130195	Nguyễn Võ Yên	Trang					2	5	Hai năm	
43	22130196	Trần Ngọc Thu	Trang					9	0	Chín	
44	22130198	Lê Tiên	Triển								
45	22130199	Nguyễn Ngô Thùy	Trình					7	5	Bảy năm	
46	22130200	Thân Phương	Trình					5	5	Năm năm	
47	22130202	Lê Quách Hoài	Trung					4	5	Bốn năm	
48	22130203	Nguyễn Việt	Trung					2	0	Hai	
49	22130207	Trương Ngọc Hồng	Tú					2	5	Hai năm	
50	22130209	Lê Hoàng	Tuấn								

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Chái Thị Nga</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Đỗ Đức Cường</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Lê Thị Ngọc</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22DTV_CLC1**Ngày thi: **14/03/2023** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **F205B**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm										+ 0.5	Ghi chú
1	21207017	Lê Nguyễn Xuân	Đoàn			7,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
2	21207145	Nguyễn Đức	Duy			6,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
3	22207004	Nguyễn Minh	Anh			7,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
4	22207006	Từ Trung	Anh				☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
5	22207008	Thái Lương Gia	Bào			6,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
6	22207009	Vũ Thanh	Bình			6,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
7	22207011	Trần Lê	Chuẩn			7,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
8	22207012	Lê Dương	Công			7,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
9	22207013	Nguyễn Chí	Công			6,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
10	22207014	Nguyễn Hải	Đăng			6,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
11	22207015	Nguyễn Lê Hải	Đăng			7,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
12	22207020	Võ Minh	Duy			8,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
13	22207024	Lương Gia	Hào			7,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
14	22207028	Đồng Lê Minh	Hoàng			7,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
15	22207029	Lý Huy	Hoàng			5,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
16	22207030	Nguyễn Lê	Hoàng				☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
17	22207034	Vũ Thanh	Hùng				☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
18	22207035	Đỗ Quang Nhật	Hưng			6,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
19	22207045	Nguyễn Đăng	Khoa			6,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
20	22207056	Lương Hải	Long			6,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
21	22207059	Nguyễn Vũ Quốc	Minh			9,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
22	22207068	Nguyễn Thành	Phát			7,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
23	22207071	Lê Thiên	Phúc			8,5	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
24	22207073	Cao Trọng	Phước			5,0	☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	
25	22207075	Trần Văn Minh	Phượng				☒	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	☐	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Nguyễn Văn Chí Chữ ký:

2) Phạm Văn Hùng Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trương

Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: _____

Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22DTV_CLC2**Ngày thi: **14/03/2023** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **GD1_A**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0,5	Ghi chú
1	22207002	Võ Thúy	An			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
2	22207005	Trần Hoàng	Anh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
3	22207036	Nguyễn Quang	Hưng			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
4	22207041	Võ Hồ Quang	Huy			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
5	22207042	Võ Minh	Huy			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
6	22207046	Trần Võ Đăng	Khoa			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
7	22207048	Ngô Dương Minh	Khôi			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
8	22207049	Trần	Khuê			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
9	22207050	Đặng Trung	Kiên			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
10	22207051	Nguyễn Trung	Kiên			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
11	22207053	Phạm Văn	Ký			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
12	22207055	Vũ Châu Thăng	Lợi			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
13	22207057	Nguyễn Hà Tuấn	Long			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
14	22207058	Nguyễn Hoàng	Minh			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
15	22207061	Trần Nhật	Nam			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
16	22207062	Trần Sĩ	Nam			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
17	22207063	Văn Đình	Nam			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
18	22207066	Lê Tấn Phi	Pha			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
19	22207067	Bùi Phạm Thiên	Phát			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
20	22207069	Lê Đại	Phong			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
21	22207070	Nguyễn Hữu	Phong			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
22	22207072	Nguyễn Bình	Phúc			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
23	22207076	Đỗ Đăng Minh	Quân			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
24	22207083	Lưu Thanh	Thiện			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
25	22207084	Huỳnh Phú	Thịnh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Đỗ Thu Ngọc Bích..... Chữ ký:

2) Hoàng Minh Phước..... Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trương..... Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM
Giữa kỳ Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22DTV_CLC2**

Ngày thi: **14/03/2023**

Giờ thi: **13:30**

Phòng thi: **GD1_A**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm											+0,5	Ghi chú
26	22207085	Phạm Gia	Thịnh			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
27	22207086	Phạm Hoàng	Thông			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
28	22207087	Tăng Sĩ	Thông			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
29	22207091	Trương Đăng	Trình			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
30	22207092	Nguyễn Quang	Trung			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
31	22207093	Vũ Trần Thành	Trung			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
32	22207094	Huỳnh Phạm Minh	Tú			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
33	22207096	Bùi Minh	Tuấn			9,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
34	22207098	Huỳnh Thái	Tuấn			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
35	22207099	Nguyễn Anh	Tuấn			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
36	22207101	Lê Hoàng Quốc	Uy			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
37	22207104	Nguyễn Phúc	Vinh			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
38	22207108	Lê Văn Tuấn	Anh			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
39	22207110	Võ Minh	Chấn			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
40	22207111	Lê Hoàng	Dương			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
41	22207112	Lý Phi	Hùng			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
42	22207113	Trương Quang	Hưng			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
43	22207114	Trần Ngọc	Huy			10	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
44	22207120	Dương Hoàng	Phúc			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
45	22207122	Phan Ngô Tiến	Thịnh			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
							(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: 1) Hoàng Thị Ngọc Bích Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trường Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22DTV_CLC3**Ngày thi: **14/03/2023** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **GD1_B**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm										+0.5	Ghi chú
1	19207117	Phùng Quốc	Tuấn			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2	19207131	Phan Anh	Tuấn			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3	21207102	Đinh Hồ Phúc	Thiện			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
4	21207181	Nguyễn Mạnh Nhật	Minh			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	21207193	Phạm Thanh	Phong			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
6	21207205	Nguyễn Ngọc Minh	Quân			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	21207217	Nguyễn Phan Thiên	Tân			5,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
8	21207235	Lê Nguyễn Lam	Trưởng			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9	21207240	Nguyễn Thanh	Tùng			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	21207242	Đặng Công	Vương			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11	21207244	Trần Việt	Lân			6,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	22207010	Lê Đức	Cảnh			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13	22207016	Đỗ Thành	Đạt			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
14	22207018	Nguyễn Lai Chấn	Duy			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
15	22207021	Nguyễn Trần Mỹ	Duyên			9,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16	22207022	Nguyễn Thúy	Hà			7,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17	22207039	Nguyễn Quang	Huy			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
18	22207040	Phan Minh	Huy			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
19	22207044	Đỗ Hoàng Thụy	Khanh			5,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
20	22207052	Trương Tuấn	Kiệt			7,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
21	22207054	Trần Gia	Lạc			6,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
22	22207060	Nguyễn Hoàng Hải	My			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23	22207064	Nguyễn Vy	Ngọc			8,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
24	22207077	Lý Gia	Quang			4,0	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
25	22207078	Lê Trần Mạnh	Quyên			8,5	(v)	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Đinh Thị Tuyết Lan chữ ký:

1) Đinh Thị Tuyết Lan chữ ký:

2) Đinh Thị Tuyết Lan chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trường

Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên:

Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22DTV_CLC4**Ngày thi: **14/03/2023** Giờ thi: **13:30**Phòng thi: **GD1_C**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tô điểm										+0,5	Ghi chú
1	21207007	Lưu Hoàng Đồng	Anh			7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
2	21207026	Phan Trần Anh	Duy			7,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
3	21207049	Phạm Tuấn	Kiệt			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
4	21207054	Phan Văn	Lân			5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	21207105	Nguyễn Ngọc Minh	Trí			7,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
6	21207123	Nguyễn Phước	Bảo			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
7	21207128	Huỳnh Lê Trí	Cường			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
8	21207131	Lê Công	Danh			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9	21207135	Trần Huỳnh Thành	Đạt			5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
10	21207140	Vũ Xuân	Đức			5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
11	21207141	Trần Trung	Đức			4,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
12	21207146	Phạm Nhật	Duy			4,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13	21207152	Nguyễn Phương Nhật	Hiền			6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
14	21207154	Trương Tấn	Hòa			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
15	21207161	Trần Tuấn	Hưng			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
16	21207170	Nguyễn Ngọc Quốc	Khánh			6,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
17	21207178	Nguyễn Tấn	Lộc			6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
18	21207200	Trần Nguyễn Hoàng	Phúc			5,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
19	22207001	Lê Trần Khánh	An			5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
20	22207017	Trần Xuân	Đông			8,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
21	22207023	Phạm Minh	Hà			5,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
22	22207025	Trần Khánh	Hiệp			9,0	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
23	22207026	Hoàng Đức	Hiếu			10	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
24	22207027	Nguyễn Trung	Hiếu			8,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
25	22207031	Vũ Việt	Hoàng			6,5	v	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Lê Ngọc Lan Chữ ký:

1) Lê Ngọc Lan Chữ ký:

2) Lưu Vũ Hồng Nhung Chữ ký:

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trương

Chữ ký:

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: _____

Chữ ký: _____



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM
Giữa kỳ Học kỳ: 2/22-23

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ-Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22DTV_CLC4**

Ngày thi: **14/03/2023** Giờ thi: **13:30**

Phòng thi: **GD1_C**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phân tổ điểm											+0,5	Ghi chú
26	22207032	Nguyễn Thị Bích	Huê		Huê	3,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
27	22207033	Nguyễn Tấn	Hùng		Hùng	5,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
28	22207037	Phạm	Hưng		Phạm	4,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
29	22207038	Đỗ Gia	Huy		Đỗ Gia	6,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
30	22207043	Mai Xuân	Khang		Mai Xuân	8,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
31	22207047	Hồ Nguyễn Đăng	Khôi		Khôi	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
32	22207080	Hà Tất	Thắng				(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
33	22207097	Huỳnh Quốc	Tuấn		Huỳnh Quốc	7,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
34	22207106	Trương Quang	Vũ		Trương Quang	3,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
35	22207107	Lê Thanh	Vy		Lê Thanh	7,5	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
36	22207115	Đỗ Đăng	Khôi		Đỗ Đăng	3,0	(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
							(v)	(0)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		

Cán bộ coi thi

Họ, tên: Lê Ngọc Lan Chữ ký: L
1) Lê Văn Hồng Chữ ký: HL
2) Lê Văn Hồng Chữ ký: HL

Cán bộ chấm thi

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trường
Chữ ký: Nguyễn Hữu Trường

Trưởng khoa, bộ môn

Họ, tên: Nguyễn Hữu Trường
Chữ ký: Nguyễn Hữu Trường



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001223

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**Mã học phần: **PHY00002**Lớp: **22DTV**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **09g00**Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18150229	Huỳnh Thúy	Nhi								
2	19140578	Nguyễn Anh	Thư					8	5	tám năm	
3	19200272	Nguyễn Hữu	Đình								
4	20110219	Triệu Gia	Khôi					7	5	bảy năm	
5	20180362	Trần Quốc	Tài					4	5	bốn năm	
6	20260077	Đinh Thị Lệ	Huyền					6	0	sáu không	
7	21110165	Lê Bảo	Quỳnh					8	0	tám không	
8	21120607	Trần Tài Kim	Huỳnh					8	5	tám năm	
9	21150393	Trần Ngọc Bích	Vy					5	0	năm không	
10	21170081	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên					3	0	ba không	
11	21170104	Phạm Lê Công	Khanh					7	0	bảy không	
12	21170106	Lê Hoàng	Khôi					5	0	năm không	
13	21170142	Huỳnh Thanh	Nhân					5	5	năm năm	
14	21170159	Trương Thị Trúc	Quyen					5	5	năm năm	
15	21170171	Trần Thanh	Thúy					5	5	năm năm	
16	22120115	Đỗ Thái	Học					9	5	chín năm	
17	22120277	Nguyễn Văn	Phúc					7	0	bảy không	
18	22120286	Lê Võ Minh	Phương					8	0	tám không	
19	22120347	Nguyễn Quốc	Thịnh					9	0	chín không	
20	22120348	Trần Đức	Thịnh				1	0	0	mười	
21	22120363	Phan Hồng	Thức				1	0	0	mười	
22	22120383	Nguyễn Đăng	Tri					8	0	tám không	
23	22120400	Trần Anh	Tú					9	0	chín không	
24	22200006	Thạch Hoàng Phương	Bắc					3	0	ba không	
25	22200007	Phạm Khoa	Bách					7	0	bảy không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Thuận</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: <u>Nguyễn Quang Khôi</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>	Họ, tên: Chữ ký:
Họ, tên: <u>Lê Thị Thuận</u> Chữ ký: <u>[Chữ ký]</u>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001224

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22DTV**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thấp phần		
26	22200012	Lại Quốc	Bảo					6	0	sáu không	
27	22200013	Lê Minh Gia	Bảo					5	0	năm không	
28	22200017	Trần Đình Quốc	Bảo					6	5	sáu năm	
29	22200018	Trần Vũ	Bảo					8	0	tám không	
30	22200023	Nguyễn Trịnh Phi	Chính					9	0	chín không	
31	22200024	Nguyễn Công	Cường					6	5	sáu năm	
32	22200025	Đào Minh	Đạt					3	0	ba không	
33	22200026	Lê Thành	Đạt					7	0	bảy không	
34	22200031	Trần Văn	Diệp					9	0	chín không	
35	22200043	Nguyễn Khắc	Duy					5	0	năm không	
36	22200060	Nguyễn Thanh	Hoài					9	0	chín không	
37	22200061	Lê Bảo Gia	Hoàng					6	0	sáu không	
38	22200062	Nguyễn Huy	Hoàng					5	5	năm năm	
39	22200075	Phạm Nguyễn Đan	Huy					6	5	sáu năm	
40	22200090	Phan Thị Thuý	Kiều					7	0	bảy không	
41	22200112	Giang Trọng	Nhân								
42	22200114	Võ Thành	Nhân					6	5	sáu năm	
43	22200116	Võ Huỳnh Minh	Nhật					9	0	chín không	
44	22200119	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như					6	5	sáu năm	
45	22200128	Nguyễn Minh	Phước					5	5	năm năm	
46	22200129	Nguyễn Hoàng Khánh	Phương					5	5	năm năm	
47	22200135	Phạm Phương	Quỳnh					7	0	bảy không	
48	22200139	Hà Tuấn	Tài					6	0	sáu không	
49	22200155	Nguyễn Huyền	Thoại					9	0	chín không	
50	22200170	Đỗ Phan Đức	Trung					6	0	sáu không	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Thị Thuần</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Quang Khởi</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Văn Thành</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001225

Tên học phần: **Vật lý đại cương 2 (Điện từ - Quang)**

Mã học phần: **PHY00002**

Lớp: **22DTV**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **09g00**

Phòng thi: **E302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
51	22200178	Phạm Anh	Tuấn			☐		7	5	bảy năm	
52	22200183	Nguyễn Quốc	Việt			☐		8	0	tám không	
53						☐					
54						☐					
55						☐					
56						☐					
57						☐					
58						☐					
59						☐					
60						☐					
61						☐					
62						☐					
63						☐					
64						☐					
65						☐					
66						☐					
67						☐					
68						☐					
69						☐					
70						☐					
71						☐					
72						☐					
73						☐					
74						☐					
75						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Lê Thị Thuần</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Quang Khôi</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Văn Tiến</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001283

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**Mã học phần: **PHY10005**Lớp: **21VYK1**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18130043	Ngô Thị Thùy	Giang		<i>tiang</i>	☐		7	8	bảy tám	
2	18130070	Nguyễn Chí	Lâm		<i>Lam</i>	☐		6	8	sáu tám	
3	18130071	La Thị	Lãnh		<i>lanh</i>	☐		6	3	sáu ba	
4	18230014	Nguyễn Phúc Khang	An		<i>An</i>	☐		7	5	bảy năm	
5	18230058	Nguyễn Hữu	Thiện		<i>Huu</i>	☐		7	8	bảy tám	
6	19130225	Dương Ngọc	Thành		<i>Sa</i>	☐		6	8	sáu tám	
7	19230049	Phạm Duy	Hoài		<i>Huoi</i>	☐		7	5	bảy năm	
8	19230059	Trần Nhật	Long		<i>ing</i>	☐		6	8	sáu tám	
9	19230061	Phan Nguyễn Nhật	Minh		<i>Minh</i>	☐		7	3	bảy ba	
10	20130010	Nguyễn Thị Kiều	Anh		<i>ti</i>	☐		6	8	sáu tám	
11	20130064	Huỳnh Thị Ánh	Bình		<i>Binh</i>	☐		6	3	sáu ba	
12	20130103	Phạm Quốc	Lượng		<i>Quoc</i>	☐		7	5	bảy năm	
13	20130117	Nguyễn Hồng	Phước			☒					
14	20130121	Hoàng Nhật	Son		<i>Son</i>	☐		8	5	tám năm	
15	20230038	Trần Quang	Minh		<i>Minh</i>	☐		7	8	bảy tám	
16	20230049	Đỗ Thị Ngọc	Phước		<i>Do</i>	☐		7	0	bảy	
17	20230054	Nguyễn Thị	Thạch		<i>Thach</i>	☐		5	5	năm năm	
18	20230062	Lưu Thị Phi	Yến		<i>Phy</i>	☐		7	5	bảy năm	
19	20260077	Đinh Thị Lệ	Huyền		<i>Le</i>	☐		6	3	sáu ba	
20	21130203	Hà	Minh			☒					
21	21230002	Phạm Hà Minh	Hạnh		<i>Hanh</i>	☐		8	0	tám	
22	21230003	Hà Nguyễn Quốc	Văn		<i>Quoc</i>	☐		8	0	tám	
23	21230004	Trần Hoàng Linh	Dan		<i>Linh</i>	☐		7	0	bảy	
24	21230024	Đoàn Xuân	Thiệu		<i>Huan</i>	☐		6	5	sáu năm	
25	21230028	Ngô Minh	Thùy		<i>Minh</i>	☐		8	8	tám tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Ngọc Trọng</i> 1) <i>Nguyễn Ngọc Trọng</i> Chữ ký: <i>Nguyen Ngoc Trong</i> 2) <i>Nguyễn Tiến Dũng</i> Chữ ký: <i>Nguyen Tien Dung</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>Nguyen Van Tuan</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001284

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VYK1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21230034	Phạm Hưng	Đạt		<i>Đạt</i>	☐		6	8	Sáu tám	
27	21230035	Trần Nguyễn Khánh	Duy		<i>Duy</i>	☐		8	5	tám năm	
28	21230045	Phạm Hoàng Gia	Lân		<i>Hoàng</i>	☐		8	8	tám tám	
29	21230046	Bùi Ngọc Thảo	Linh		<i>Thảo</i>	☐		8	3	tám ba	
30	21230047	Nguyễn Thanh	Lộc		<i>Thanh</i>	☐		5	8	năm tám	
31	21230050	Nguyễn Vũ Huyền	My		<i>Huyền</i>	☐		6	3	Sáu ba	
32	21230051	Lương Thị	Nga		<i>Nga</i>	☐		7	5	bảy năm	
33	21230059	Nguyễn Tấn	Phát			☒					
34	21230063	Huỳnh Thị Thu	Sương		<i>Thu</i>	☐		8	3	tám ba	
35	21230065	Nguyễn Thanh	Tâm		<i>Thanh</i>	☐		6	3	Sáu ba	
36	21230068	Ngô Hồng	Thái		<i>Thái</i>	☐		6	0	Sáu	
37	21230070	Tất Hữu	Thành		<i>Hữu</i>	☐		5	3	năm ba	
38	21230071	Nguyễn Quốc	Thịnh		<i>Quốc</i>	☐		6	8	Sáu tám	
39	21230074	Trần Thị Nhân Kim	Thùy		<i>Thùy</i>	☐		7	0	bảy	
40	21230076	Nguyễn Trung	Tín		<i>Trung</i>	☐		6	8	Sáu tám	
41	21230078	Vũ Quốc	Trung		<i>Quốc</i>	☐		6	5	Sáu năm	
42	21230079	Huỳnh Thiện	Tuấn		<i>Thiện</i>	☐		6	8	Sáu tám	
43	21230081	Nguyễn Quách	Vi		<i>Quách</i>	☐		7	5	bảy năm	
44	21230083	Dương Thảo	Vy		<i>Thảo</i>	☐		8	0	tám	
45	21230084	Phạm Thị Yến	Vy		<i>Yến</i>	☐		5	5	năm năm	
46	21260004	Lê Thị Hiền	My		<i>Hiền</i>	☐		8	8	tám tám	
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Nguyễn Trần Bình</i> 1) <i>Nguyễn Trần Bình</i> Chữ ký: <i>Bình</i> 2) <i>Lê Thị Ngọc Trang</i> Chữ ký: <i>Trang</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>Tuấn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001285

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**Mã học phần: **PHY10005**Lớp: **21VYK1**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	21260012	Vũ Gia	Bào		<i>[Signature]</i>	☐		9	8	chín tám	3101
2	21260024	Đỗ Hoàng	Khôi		<i>[Signature]</i>	☐		7	8	bảy tám	
3	21260026	Phạm Thị Thùy	Linh		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám	
4	21260033	Lê Anh	Nhi		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
5	21260035	Lê Thanh	Quang		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	bảy năm	
6	21260042	Võ Thị Anh	Thư		<i>[Signature]</i>	☐		7	8	bảy tám	
7	21260048	Đinh Minh	An		<i>[Signature]</i>	☐		8	0	tám	
8	21260049	Trần Thị Thủy	An		<i>[Signature]</i>	☐		6	8	sáu tám	
9	21260050	Phan Hồng	Anh		<i>[Signature]</i>	☐		8	3	tám ba	
10	21260051	Phan Hoàng	Đạo		<i>[Signature]</i>	☐		6	3	sáu ba	
11	21260054	Huỳnh Thị Kim	Diệu		<i>[Signature]</i>	☐		8	3	tám ba	
12	21260057	Nguyễn Nhật Anh	Hào		<i>[Signature]</i>	☐		7	0	bảy	
13	21260058	Nguyễn Quang	Hiếu		<i>[Signature]</i>	☐		6	8	sáu tám	
14	21260060	Lê Nguyễn	Hưng		<i>[Signature]</i>	☐		6	3	sáu ba	
15	21260061	Nguyễn Hoàng Gia	Huy		<i>[Signature]</i>	☐		9	5	chín năm	
16	21260062	Trần Thị Phương	Huyền		<i>[Signature]</i>	☐		9	3	chín ba	
17	21260063	Trương Gia	Hỷ		<i>[Signature]</i>	☐		7	3	bảy ba	
18	21260064	Phùng Lê Minh	Khôi		<i>[Signature]</i>	☐		7	3	bảy ba	
19	21260065	Phan Vũ	Kiểu		<i>[Signature]</i>	☐		8	3	tám ba	
20	21260067	Lê Thảo	Linh		<i>[Signature]</i>	☐		8	5	tám năm	
21	21260068	Tô Hoàng	Minh		<i>[Signature]</i>	☐		6	3	sáu ba	
22	21260069	Trương Thị Thảo	My		<i>[Signature]</i>	☐		7	5	bảy năm	
23	21260071	Phạm Ngọc Phương	Nghi		<i>[Signature]</i>	☐		7	8	bảy tám	
24	21260072	Lê Thị Thơm	Ngọc		<i>[Signature]</i>	☐		7	8	bảy tám	
25	21260073	Mai Bích	Ngọc		<i>[Signature]</i>	☐		7	8	bảy tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: <i>Phạm Việt Dũng</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i>	Họ, tên:
1) Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Chữ ký: <i>[Signature]</i>	Chữ ký:
2) <i>Nguyễn Thị Trúc Linh</i>		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001286

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VYK1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **E205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
26	21260074	Mai Kim	Ngọc				7	3		bảy ba	
27	21260076	Huỳnh Thảo	Nguyễn				8	5		tám năm	
28	21260077	Nguyễn Bình	Nguyễn				6	5		sáu năm	
29	21260078	Phạm	Nguyễn				6	0		sáu	
30	21260080	Phạm Thị Diễm	Như				8	3		tám ba	
31	21260081	Lý Nguyễn Minh	Phúc				6	8		sáu tám	
32	21260082	Trần Nhật	Tân				8	5		tám năm	
33	21260083	Lê Quốc	Thái				8	0		tám	
34	21260084	Dương Nhật	Thảo				8	8		tám tám	
35	21260085	Nguyễn Hữu Minh	Thọ				7	3		bảy ba	
36	21260087	Kiều Vạn Anh	Thư				6	3		sáu ba	
37	21260088	Đặng Nguyễn Mai	Thy				7	0		bảy	
38	21260089	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm				6	3		sáu ba	
39	21260090	Trần Tuyết	Trần				7	8		bảy tám	
40	21260091	Nguyễn Thị Kim	Trang				7	3		bảy ba	
41	21260092	Huỳnh Thiên	Trúc				7	5		bảy năm	
42	21260093	Dương Văn	Tùng				7	8		bảy tám	
43	21260094	Nguyễn Lê Hồng	Tươi				7	3		bảy ba	
44	21260095	Nguyễn Thúy	Vân				7	3		bảy ba	
45	21260096	Trần Hồ Hữu	Vân				8	0		tám	
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	Nguyễn Chi Trúc Linh	Họ, tên:	Thy Anh Văn Tuấn	Họ, tên:	
1) Chữ ký:		1) Chữ ký:		1) Chữ ký:	
2) Chữ ký:		2) Chữ ký:		2) Chữ ký:	



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 2/22-23



222232001273

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLH1**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
1	18230028	Nguyễn Hồng	Hà					6	0	Sáu	3101
2	20130043	Nguyễn Việt	Thắng								
3	20130065	Võ Hoàng	Bửu								
4	20130069	Thái Thành	Đạt								
5	20130084	Hoàng Ngọc	Huy					8	0	tám	1205
6	20130133	Thạch	Tịnh					5	8	năm tám	3101
7	20130143	Nguyễn Đức	Tuấn					2	5	hai năm	
8	20260084	Huỳnh Khải	Luân					5	5	năm năm	1505
9	21130022	Cao Tiến	Đạt					7	5	bảy năm	0805
10	21130027	Lê Quốc	Duy					8	8	tám tám	1205
11	21130031	Lê Thị Thúy	Hà					8	8	tám tám	3101
12	21130038	Nguyễn Thị	Hiền					7	8	bảy tám	1005
13	21130042	Trần Kiên	Hoà					7	5	bảy năm	1505
14	21130044	Nguyễn Thị Hoài	Hương					8	3	tám ba	0805
15	21130046	Trần Nguyễn Quang	Huy					8	0	tám	1205
16	21130052	Lê Hoàng Đăng	Khoa					6	0	Sáu	3101
17	21130061	Lưu Quốc	Minh					7	5	bảy năm	1005
18	21130069	Trần Khôi	Nguyên					7	0	bảy	1505
19	21130075	Nguyễn Hoàng	Phú					8	3	tám ba	0805
20	21130096	Trần Nguyễn Nhã	Uyên					8	0	tám	1105
21	21130099	Trương Trần Nhật	Vy					7	0	bảy	3101
22	21130101	Diệp Nguyễn Hồng	An					7	0	bảy	1005
23	21130103	Phùng Huỳnh Triều	An					6	5	Sáu năm	1505
24	21130105	Nguyễn	Anh					6	8	Sáu tám	0805
25	21130108	Phạm Ngọc Quế	Anh					7	5	bảy năm	1705

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
Họ, tên: 2) Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001274

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLHI**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
26	21130110	Trương Thị Băng	Băng				7	5		bảy năm	
27	21130111	Hồ Quang	Bảo								
28	21130112	Lâm Gia	Bảo				6	8		sáu tám	
29	21130115	Trương Gia	Bảo				6	8		sáu tám	
30	21130116	Quách Thị Thái	Bình				8	3		tám ba	
31	21130117	Võ Thanh	Bình				6	5		sáu năm	
32	21130118	Lê Thị Ngọc	Cầm				6	3		sáu ba	
33	21130120	Nguyễn Ngọc Minh	Châu				8	0		tám	
34	21130121	Phạm Yến	Chi				6	0		sáu	
35	21130124	Lê Hải	Đặng				7	3		bảy ba	
36	21130125	Lê Thành	Danh				6	8		sáu tám	
37	21130128	Nguyễn Công	Đạt				6	5		sáu năm	
38	21130129	Phạm Nguyễn Thành	Đạt				8	5		tám năm	
39	21130132	Nguyễn Ngọc Hương	Di				6	0		sáu	
40	21130133	Đinh Thị Ngọc	Diễm				7	5		bảy năm	
41	21130135	Nguyễn Hoàng Hải	Đông				6	8		sáu tám	
42	21130136	Nguyễn Hữu	Đức				9	0		chín	
43	21130137	Đặng Thị Thùy	Dung				7	5		bảy năm	
44	21130142	Trần Khánh	Duy				7	0		bảy	
45	21130143	Trương Anh	Duy				7	0		bảy	
46	21130144	Trương Anh	Duy				6	8		sáu tám	
47	21130145	Võ Trọng	Duy				6	5		sáu năm	
48	21130151	Phạm Nam	Hải								
49	21130152	Thái Thiện	Hải				8	0		tám	
50	21130153	Hồ Huệ	Hân				6	8		sáu tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn T. Thu Huyền Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Lê Đình Anh Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001275

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**Mã học phần: **PHY10005**Lớp: **21VLH1**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
51	21130155	Bùi Thị Minh	Hằng		hang			7	3	bảy ba	
52	21130156	Nguyễn Xuân	Hằng								
53	21130159	Nguyễn Nhật	Hào		hao			6	3	sáu ba	
54	21130161	Trần Công	Hậu		hanh			7	0	bảy	
55	21130162	Trần Trung	Hiền								
56	21130164	Nguyễn Trung	Hiếu		hu			7	8	bảy tám	
57	21130167	Phạm Ngọc Dung	Hòa								
58	21130168	Nguyễn Lê Khải	Hoàn		hoan			5	8	năm tám	
59	21130169	Trần Văn	Hoàn		hoan			7	0	bảy	
60	21130170	Trần	Hoàng		hoang			6	8	sáu tám	
61	21130171	Nguyễn Thị Kim	Huệ		kinh			6	5	sáu năm	
62	21130181	Nguyễn Lê	Khanh		le			7	0	bảy	
63	21130187	Quách Tuấn	Kiệt		ket			7	5	bảy năm	
64	21130217	Hồ Thị Như	Nguyệt		no			7	5	bảy năm	
65	21130220	Nguyễn	Nhạc		nhac			5	0	năm	
66	21130224	Nguyễn Khang	Nhi		nhu			7	3	bảy ba	
67	21130232	Nguyễn Ngọc	Phú		phu			7	5	bảy năm	
68	21130247	Phạm Như	Quỳnh								
69	21130253	Đinh Trọng	Tấn		tan			7	0	bảy	
70	21130272	Nguyễn Minh	Thư		th			6	3	sáu ba	
71	21130297	Nguyễn Tổng Bảo	Trâm		tr			7	3	bảy ba	
72	21130298	Nguyễn Ngọc Huyền	Trần		tr			7	0	bảy	
73	21130305	Phan Nguyễn Anh	Triết		triec			8	5	tám năm	
74	21130320	Trần Tuấn	Văn		van			6	3	sáu ba	
75	21130321	Trần Thụy Yến	Vi		vi			6	8	sáu tám	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thu Chan..... Chữ ký:	Họ, tên: Nguyễn Văn Tuấn..... Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) Lê Đình Anh..... Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
ĐH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001276

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**Mã học phần: **PHY10005**Lớp: **21VLHI**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F202**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ă n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phần		
76	21130324	Đinh Thành	Vinh		<i>Vinh</i>	☐		7	0	bảy	
77	21130331	Nguyễn Bình	Yên		<i>Yên</i>	☐		7	0	bảy	
78	21230082	Vũ Huy	Vũ		<i>Huy</i>	☐		7	3	bảy ba	
79						☐					
80						☐					
81						☐					
82						☐					
83						☐					
84						☐					
85						☐					
86						☐					
87						☐					
88						☐					
89						☐					
90						☐					
91						☐					
92						☐					
93						☐					
94						☐					
95						☐					
96						☐					
97						☐					
98						☐					
99						☐					
100						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Lê Thu Chiang</i>Chữ ký: <i>LT</i> 2) <i>Lê Đình Anh</i>Chữ ký: <i>LD</i>	Họ, tên: <i>Nguyễn Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>NT</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001277

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLHITN**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phân		
1	21130001	Tân Mai	Hương			☐		9	0	chín	1005
2	21130007	Phạm Lê	Việt			☐		8	5	tám năm	1505
3	21130010	Lê Thượng Phương	Anh			☐		8	8	tám tám	0805
4	21130026	Lê Quốc	Duy			☐		6	3	sáu ba	1205
5	21130028	Phùng Ngọc	Duy			☐		8	3	tám ba	3104
6	21130037	Nguyễn Minh	Hiền			☐		9	3	chín ba	1005
7	21130049	Dương Minh	Khang			☐		8	5	tám năm	1505
8	21130051	Hồ Ngô Thanh	Khoa			☐		7	8	bảy tám	3101
9	21130055	Trần Minh	Khôi			☐		6	5	sáu năm	1005
10	21130094	Đào Duy	Tùng			☐		9	0	chín	1205
11	21130107	Phạm Hoàng	Anh			☐		7	0	bảy	3101
12	21130114	Lê Hữu	Bảo			☐		9	3	chín ba	0805
13	21130126	Ngô Lê Quang	Đạt			☐		8	3	tám ba	1505
14	21130139	Đỗ Tùng	Dương			☐		6	8	sáu tám	1005
15	21130149	Lưu Quý	Hạ			☐		6	5	sáu năm	0805
16	21130182	Trần Đại Bảo	Khanh			☐		9	0	chín	1505
17	21130208	Đoàn Thị Thanh	Ngân			☐		6	5	sáu năm	1205
18	21130209	Lý Gia	Nghi			☐		8	5	tám năm	0805
19	21130225	Nguyễn Lê Phương	Như			☐		6	3	sáu ba	1505
20	21130234	Văn Thiên	Phúc			☐		8	5	tám năm	1005
21	21130243	Phạm Hoàng Minh	Quang			☐		9	0	chín	3101
22	21130244	Ngô Hữu	Quyển			☐		8	5	tám năm	1205
23	21130270	Huỳnh Anh	Thư			☐		8	8	tám tám	1205
24	21130271	Nguyễn Đàm Minh	Thư			☐		9	3	chín ba	0805
25	21130282	Trần Thị Thu	Thùy			☐		7	5	bảy năm	1505

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Tô Thị Hồng Chuyên</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Nguyễn Văn Tuấn</u> Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:
2) <u>Nguyễn Anh Tuấn</u> Chữ ký:		



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001278

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLH1TN**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phân		
26	21130284	Nguyễn Nam	Thy		<i>Thy</i>	☐		2	3	<i>tám ba</i>	<i>1005</i>
27	21130299	Thạch Thị Huyền	Trân		<i>ph</i>	☐		8	8	<i>tám tám</i>	<i>3101</i>
28	21130314	Nguyễn Chí	Tường		<i>Ki</i>	☐		7	8	<i>bảy tám</i>	<i>1205</i>
29	21130316	Phạm Thu	Uyên		<i>tu</i>	☐		6	5	<i>sáu năm</i>	<i>0808</i>
30						☐					
31						☐					
32						☐					
33						☐					
34						☐					
35						☐					
36						☐					
37						☐					
38						☐					
39						☐					
40						☐					
41						☐					
42						☐					
43						☐					
44						☐					
45						☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi		Cán bộ chấm thi		Trưởng khoa, bộ môn	
Họ, tên:	<i>Nguyễn Văn Tuấn</i>	Họ, tên:	<i>Huỳnh Văn Tuấn</i>	Họ, tên:	
1) <i>Nguyễn Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>Thy</i>		Chữ ký: <i>ph</i>		Chữ ký:	
2) <i>Bồ Thị Hồng Chuyền</i> Chữ ký: <i>Ch</i>		Chữ ký: <i>tu</i>			



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM

Học kỳ: 2/22-23



222232001279

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**Mã học phần: **PHY10005**Lớp: **21VLH2**Ngày thi: **05/05/2023**Giờ thi: **07g45**Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ã n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
1	19130242	Lợi Thiên	Tri								
2	20130014	Võ Chí	Công		<i>Hy</i>			6	8	sáu-tám	1005
3	20130022	Nguyễn Nguyên	Hạo		<i>hao</i>			1	2	một hai	505
4	20130054	Ngô Việt	Hiếu		<i>Việt</i>			8	5	tám năm	0805
5	20130124	Lê Hoàng	Tân		<i>tan</i>			8	3	tám ba	1205
6	20230020	Nguyễn Thanh	Bình		<i>bu</i>			5	8	năm-tám	3101
7	20260062	Nguyễn Thành	Danh		<i>th</i>			6	5	sáu năm	1005
8	21130080	Nguyễn Thị Lam	Quỳnh		<i>QL</i>			7	0	bảy	1505
9	21130148	Nguyễn Hoàng	Hà		<i>Ha</i>			6	3	sáu ba	0805
10	21130158	Hồ Vĩnh	Hào		<i>Hào</i>			6	8	sáu-tám	1205
11	21130173	Nguyễn Thị Huỳnh	Hương		<i>huon</i>			6	0	sáu	3101
12	21130174	Võ Lê Xuân	Hương		<i>le</i>			7	8	bảy-tám	1005
13	21130176	Vũ Thạch Thanh	Huy		<i>th</i>			6	5	sáu năm	1051005
14	21130177	Bùi Nguyễn Nguyên	Khang		<i>khau</i>			7	8	bảy-tám	0805
15	21130180	Võ Nguyễn Minh	Khang		<i>ky</i>			6	8	sáu-tám	1205
16	21130189	Lê Thị Phương	Lan		<i>th</i>			7	3	bảy ba	3101
17	21130192	Trần Nhã	Linh		<i>th</i>			8	5	tám năm	1005
18	21130193	Trương Khánh	Linh		<i>th</i>			8	0	tám	1510
19	21130195	Nguyễn Tấn	Lộc		<i>th</i>			8	3	tám ba	0805
20	21130199	Nguyễn Ngọc Sao	Mai		<i>ma</i>			7	8	bảy tám	1205
21	21130200	Nguyễn Xuân	Mai		<i>th</i>			6	8	sáu-tám	3101
22	21130201	Nguyễn Minh	Mẫn		<i>th</i>			7	8	bảy-tám	1005
23	21130202	Đặng Trúc	Mi		<i>th</i>			6	8	sáu-tám	1505
24	21130204	Phạm Võ Diễm	My		<i>th</i>			6	8	sáu-tám	0805
25	21130206	Trần Thanh	Nam		<i>th</i>			7	8	bảy-tám	1005

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>ĐNT Tuấn</i> Chữ ký: <i>th</i> 2) <i>Nguyễn Ngọc Tiến</i> Chữ ký: <i>th</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>th</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001280

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F205**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thập phân		
26	21130212	Thượng Thị Hồng	Ngọc		<i>Ngọc</i>	☐	7	8		bảy-tám	3101
27	21130213	Trần Minh	Ngọc		<i>Trần Minh</i>	☐	7	0		bảy	1005
28	21130214	Nguyễn Anh	Nguyên		<i>Nguyễn Anh</i>	☐	6	3		sáu ba	1505
29	21130216	Phạm Thanh	Nguyên		<i>Phạm Thanh</i>	☐	5	8		năm-tám	0805
30	21130218	Lê Thị Minh	Nguyệt		<i>Lê Thị Minh</i>	☐	8	0		tám	1005
31	21130219	Nguyễn Thanh	Nhã		<i>Nhã</i>	☐	7	8		bảy-tám	3101
32	21130221	Cao Cấp Đình	Nhân		<i>Cao Cấp Đình</i>	☐	6	3		sáu ba	1005
33	21130222	Lê Dung	Nhi		<i>Lê Dung</i>	☐	5	8		năm-tám	1505
34	21130223	Nguyễn Bích	Nhi		<i>Nguyễn Bích</i>	☐	7	8		bảy-tám	0805
35	21130228	Huỳnh Tú	Oanh		<i>Huỳnh Tú</i>	☐	6	3		sáu ba	1205
36	21130230	Lê Tấn	Phát		<i>Lê Tấn</i>	☐	7	5		bảy năm	3101
37	21130231	Nguyễn Võ Minh	Phi		<i>Nguyễn Võ Minh</i>	☐	7	0		bảy	1005
38	21130235	Phạm Ngọc	Phụng		<i>Phạm Ngọc</i>	☐	7	3		bảy ba	1505
39	21130236	Ngô Vạn	Phước		<i>Ngô Vạn</i>	☐	7	3		bảy ba	0805
40	21130238	Nguyễn Tấn	Phước		<i>Nguyễn Tấn</i>	☐	6	5		sáu năm	1205
41	21130239	Phan Tại Vĩnh	Phước			☐					
42	21130242	Nguyễn Hồng	Quân		<i>Nguyễn Hồng</i>	☐	6	8		sáu-tám	1005
43	21130246	Ngô Bùi Hương	Quỳnh		<i>Ngô Bùi Hương</i>	☐	6	5		sáu năm	1505
44	21130248	Võ Hồng Tuyết	Sâm		<i>Võ Hồng Tuyết</i>	☐	6	3		sáu ba	0805
45	21130249	Chu Văn	Sơn			☐					
46						☐					
47						☐					
48						☐					
49						☐					
50						☐					

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <i>Nguyễn Ngọc Thiên</i> Chữ ký: <i>Nguyễn Ngọc Thiên</i> 2) <i>Đ.N.T. Tuấn</i> Chữ ký: <i>Đ.N.T. Tuấn</i>	Họ, tên: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i> Chữ ký: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001281

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	Vấn g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P.Thấp phần		
1	21130250	Nguyễn Tấn	Tài		<i>Tài</i>	☐		8	5	tám năm	1505
2	21130252	Phạm Ngọc Thanh	Tâm		<i>Phạm</i>	☐		6	5	sáu năm	0805
3	21130254	Dương Cẩm	Thạch		<i>Dương</i>	☐		3	2	ba hai	1205
4	21130255	Nguyễn Vĩnh	Thái		<i>Nguyễn</i>	☐		7	3	bảy ba	0805
5	21130256	Lê Văn	Thắng		<i>Lê</i>	☐		7	5	bảy năm	3101
6	21130257	Văn Huỳnh Công	Thanh		<i>Phạm</i>	☐		6	3	sáu ba	1205
7	21130260	Nguyễn Thị	Thảo		<i>Thảo</i>	☐		6	5	sáu năm	3101
8	21130261	Nguyễn Thị Phương	Thảo		<i>Thảo</i>	☐		6	5	sáu năm	1205
9	21130263	Phan Thị Ngọc	Thảo		<i>Phan</i>	☐		7	0	bảy	3101
10	21130266	Lê Đức	Thiện		<i>Lê</i>	☐		6	5	sáu năm	1205
11	21130267	Trần Long	Thiện		<i>Thiện</i>	☐		6	0	sáu	1505
12	21130269	Phạm Hoàng Minh	Thông		<i>Phạm</i>	☐		7	3	bảy ba	3101
13	21130274	Trần Nguyễn Anh	Thư			☒					
14	21130283	Nguyễn Văn	Thuyền		<i>Nguyễn</i>	☐		6	3	sáu ba	0805
15	21130287	Trần Thị Thủy	Tiên		<i>Trần</i>	☐		6	5	sáu năm	1005
16	21130288	Trần Thị Triều	Tiên		<i>Trần</i>	☐		7	0	bảy	1505
17	21130290	Lê Long	Tiến		<i>Lê</i>	☐		7	5	bảy năm	0805
18	21130291	Huỳnh Trọng	Tinh		<i>Huỳnh</i>	☐		6	3	sáu ba	1005
19	21130294	Võ Văn	Toàn		<i>Võ</i>	☐		7	5	bảy năm	1505
20	21130295	Nguyễn Thanh	Trà		<i>Nguyễn</i>	☐		8	5	tám năm	0805
21	21130296	Đinh Ngọc Quỳnh	Trâm		<i>Đinh</i>	☐		6	8	sáu tám	1005
22	21130300	Đỗ Trần Diệu	Trang		<i>Đỗ</i>	☐		7	5	bảy năm	1505
23	21130301	Nguyễn Thị Thủy	Trang		<i>Nguyễn</i>	☐		6	8	sáu tám	3101
24	21130303	Lê Minh	Tri		<i>Lê</i>	☐		5	8	năm tám	1005
25	21130304	Nguyễn Minh	Tri		<i>Nguyễn</i>	☐		7	8	bảy tám	0805

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Hiền Nguyễn Chữ ký: <i>Nguyễn Hiền Nguyễn</i> 2) Châu Thị Nga Chữ ký: <i>Châu Thị Nga</i>	Họ, tên: Huỳnh Văn Tuấn Chữ ký: <i>Huỳnh Văn Tuấn</i>	Họ, tên: Chữ ký:



ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

Giữa kỳ

BẢNG ĐIỂM
Học kỳ: 2/22-23



222232001282

Tên học phần: **Điện tử cơ bản**

Mã học phần: **PHY10005**

Lớp: **21VLH2**

Ngày thi: **05/05/2023**

Giờ thi: **07g45**

Phòng thi: **F207**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký	V ắ n g	Điểm số			Điểm chữ	Ghi chú
							Hàng chục	Hàng đơn vị	P. Thập phần		
26	21130307	Trần Đức	Trọng								
27	21130308	Phạm Thị Hồng	Trúc				6	8		Sáu tám	1505
28	21130309	Trương Công	Trực				8	3		Tám ba	1205
29	21130310	Nguyễn Thành	Trung				6	8		Sáu tám	3101
30	21130312	Lê Dương Hoàng	Tuấn				7	3		Bảy ba	1205
31	21130313	Nguyễn Sơn	Tùng				6	3		Sáu ba	0805
32	21130318	Đinh Thị Thuý	Vân				8	3		Tám ba	1005
33	21130319	Trần Thị Bích	Vân				8	8		Tám tám	3101
34	21130322	Nguyễn Hoàng	Việt				8	8		Tám tám	1205
35	21130323	Đinh Thái	Vinh								
36	21130326	Phan Thúy	Vy				8	5		Tám năm	1005
37	21130327	Nguyễn Ngọc	Xuân				6	8		Sáu tám	0805
38	21130328	Trần Thị Kim	Xuân				6	8		Sáu tám	1505
39	21130329	Huỳnh Kim	Xuyến				7	3		Bảy ba	3101
40	21130330	Tạ Ngô Thị Như	Ý				7	8		Bảy tám	1205
41	21130332	Phạm Hoàng	Yến				5	5		Năm năm	0805
42	21260007	Nguyễn Hoàng Minh	Thư				8	5		Tám năm	1505
43	21260023	Trần Lê Anh	Khoa				8	3		Tám ba	3101
44	21260053	Bùi Gia	Điền	0			6	0		Sáu	1505
45											
46											
47											
48											
49											
50											

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) <u>Châu Thị Nga</u> Chữ ký:	Họ, tên: <u>Huỳnh Văn Tuấn</u>	Họ, tên:
2) <u>Nguyễn Văn Ngọc</u> Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: